

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2026/KDTM-ST

Ngày: 14 - 7 - 2026

V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoài Nam Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Trọng Bình

2. Bà Nguyễn Ngọc Trang

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Nhật Lan Anh – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Huyền T – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh (cơ sở 1) xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 370/2025/TLST-KDTM ngày 31 tháng 12 năm 2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 255/2026/QĐXXST-KDTM ngày 20 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 158/2026/QĐST-KDTM ngày 17 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S

Trụ sở: Lô F đường E, khu công nghiệp T1, phường T1, Thành phố H.

Địa chỉ văn phòng: Lô I đường C, khu công nghiệp T1, phường T1, Thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: Ông Võ Thành L – Chức danh: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Nam T2/ông Nguyễn Văn V – Theo Giấy ủy quyền số 15/2025/SMC/GUQ ngày 04/12/2025.

(Ông V có mặt)

- *Bị đơn:* Công ty TNHH K

Trụ sở: 139B đường N, phường X, Thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: Ông Kha Văn T3, sinh năm 1983 – Chức danh: Giám đốc.

Hộ khẩu thường trú: Bản Quang Y, xã T4, tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ liên hệ: 139B đường N, phường X, Thành phố H.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 24/10/2025, các biên bản hòa giải và các bản tự khai nguyên đơn Công ty Cổ phần S có ông Nguyễn Văn V là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty Cổ phần S (Sau đây gọi tắt là "Công ty S") và Công ty TNHH K (Sau đây gọi tắt là "Công ty K") đã ký kết Hợp đồng kinh tế (V/v: Mua bán bê tông thương phẩm) số: 011901/SMC/PKĐ/HĐ/2021 ngày 19/01/2021 (Sau đây gọi tắt là "Hợp đồng").

Theo Hợp đồng, Công ty K chấp thuận cho Công ty S cung cấp bê tông trộn sẵn đến công trình: Nhà văn phòng 53 đường N1, phường I, quận E1, Thành phố H.

Theo Hợp đồng, căn cứ theo khối lượng và chủng loại bê tông giao nhận thực tế của mỗi đơn hàng (được thể hiện trên phiếu giao hàng có sự ký nhận của đại diện Công ty K tại công trình), cứ 15 ngày, Công ty S tổng hợp khối lượng gửi cho Công ty K, Công ty K xác nhận trong vòng 02 ngày nếu không xác nhận hoặc không phản hồi thì khối lượng xem như đúng và đủ, Công ty K có trách nhiệm thanh toán cho Công ty S 100% giá trị trong vòng 20 ngày kể từ ngày Công ty S tổng hợp khối lượng.

Thực hiện Hợp đồng, Công ty S đã cung cấp bê tông trộn sẵn đến công trình cho Công ty K.

Từ Tháng 02/2021 đến Tháng 3/2021:

- + Tổng giá trị bê tông và ca bơm đã cung cấp cho bị đơn là 449.820.000 đồng;
- + Công ty K thanh toán 75.000.000 đồng;
- + Giá trị bê tông còn lại Công ty K chưa thanh toán cho Công ty S là 374.820.000 đồng.

Thời hạn thanh toán, Công ty K có trách nhiệm thanh toán cho Công ty S 100% giá trị trong vòng 20 ngày kể từ ngày Công ty S tổng hợp khối lượng theo Điều 3.1 của Hợp đồng.

Công ty S xuất hóa đơn ngày cuối cùng là ngày 15/3/2021, Công ty K phát sinh nghĩa vụ thanh toán chậm trả từ ngày 04/4/2021. Nguyên đơn áp dụng lãi suất chậm trả tính từ thời điểm 05/4/2021.

Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại năm 2005, Công ty S có quyền yêu cầu Công ty K ngoài việc phải thanh toán ngay khoản nợ quá hạn còn phải trả lãi do chậm trả trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tương ứng với thời gian chậm trả.

Công ty S khởi kiện Công ty K để yêu cầu:

1. Buộc Công ty K phải trả ngay cho Công ty S số tiền còn nợ là 374.820.000 đồng (ba trăm bảy mươi bốn triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng).

2. Buộc Công ty K phải trả ngay cho Công ty S số tiền lãi do chậm trả trên số tiền chậm trả 374.820.000 đồng, theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường, tương ứng với thời gian chậm trả, tính từ ngày 05/4/2021 đến ngày trả hết nợ, tạm tính đến ngày 24/10/2025 theo lãi suất 10.5%/năm (lãi trung bình $7\% \times 150\%$) là 179.312.861 đồng (một trăm bảy mươi chín triệu ba trăm mười hai nghìn tám trăm sáu mươi một đồng).

Tổng số tiền Công ty S yêu cầu Công ty K phải trả ngay tạm tính đến ngày 24/10/2025 là 554.132.861 đồng (năm trăm năm mươi bốn triệu một trăm ba mươi hai nghìn tám trăm sáu mươi một đồng).

Thanh toán một lần ngay sau khi có bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn Công ty TNHH K không có mặt nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn Công ty S có ông Nguyễn Văn V đại diện trình bày: Nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện và buộc bị đơn Công ty K có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền tạm tính đến ngày 14/7/2026: 531.831.180 đồng (năm trăm ba mươi một triệu tám trăm ba mươi một ngàn một trăm tám mươi đồng) bao gồm:

1. Số tiền nợ gốc phát sinh từ Hợp đồng 011901/SMC/PKĐ/HĐ/2021 ngày 19/01/2021 là 327.720.000 đồng (ba trăm hai mươi bảy triệu bảy trăm hai mươi ngàn đồng).

2. Tiền lãi do chậm thanh toán (tạm tính từ ngày 05/4/2026 đến ngày 14/7/2026) với mức lãi 10,5%/năm: 204.111.180 đồng (hai trăm lẻ bốn triệu một trăm mười một ngàn một trăm tám mươi đồng).

Việc thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn Công ty TNHH K vắng mặt nên không có lời khai tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Thư ký là

đúng thủ tục tố tụng quy định. Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn: buộc bị đơn Công ty K có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền tạm tính đến ngày 14/7/2026: 531.831.180 đồng (năm trăm ba mươi một triệu tám trăm ba mươi một ngàn một trăm tám mươi đồng) bao gồm:

1. Số tiền nợ gốc phát sinh từ Hợp đồng 011901/SMC/PKĐ/HĐ/2021 ngày 19/01/2021 là 327.720.000 đồng (ba trăm hai mươi bảy triệu bảy trăm hai mươi ngàn đồng).

2. Tiền lãi do chậm thanh toán (tạm tính từ ngày 05/4/2026 đến ngày 14/7/2026) với mức lãi 10,5%/năm: 204.111.180 đồng (hai trăm lẻ bốn triệu một trăm mười một ngàn một trăm tám mươi đồng).

Việc thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Nguyên đơn Công ty S khởi kiện yêu cầu giải quyết thanh toán tiền mua bê tông với bị đơn Công ty TNHH K đây là vụ án tranh chấp hợp đồng phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa hai công ty với nhau và đều vì mục đích lợi nhuận. Bị đơn Công ty K có trụ sở tại: 139B đường N, phường X, Thành phố H. Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 xác định đây là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc xét xử vắng mặt:

Bị đơn Công ty K đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập để trình bày ý kiến, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về việc thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện:

Nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện do sau khi thụ lý hồ sơ bị đơn đã thanh toán thêm tiền phát sinh từ hợp đồng do đó giảm bớt số tiền nợ gốc phát sinh từ hợp đồng mua bán bê tông. Căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 việc thay đổi yêu cầu khởi kiện không vượt quá yêu cầu ban đầu và có lợi cho bị đơn nên chấp nhận.

[4] Về các yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị đơn Công ty K đã được triệu tập tham gia vụ án hợp lệ tuy nhiên không có mặt nên không xuất trình bất kỳ chứng cứ liên quan do đó căn cứ vào khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào chứng cứ có trong Hồ sơ vụ án để xem xét.

[4.1] Về tiền nợ gốc:

Căn cứ Hợp đồng kinh tế (V/v: Mua bán bê tông thương phẩm) số 011901/SMC/PKĐ/HĐ/2021 ngày 19/01/2021 được ký kết giữa nguyên đơn Công ty TNHH K (bên A) với Công ty Cổ phần S (bên B) có nội dung:

“Điều I: Bên A chấp thuận cho bên B cung cấp bê tông trộn sẵn đến công trình [HYPERLINK \l "link" \o "Họ và Tên: Nhà Văn phòng"Nhà văn phòng 53 đường N, phường I, Quận E1, Thành phố H.](#)

Điều III: bên A có trách nhiệm thanh toán 100% giá trị cho bên B trong vòng 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày tổng hợp khối lượng”.

Xét các phiếu giao nhận bê tông từ ngày 21/01/2021 đến 25/2/2021 của Công ty Cổ phần S với tên khách hàng TNHH K.

Xét Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000581 ngày 08/02/2021 của đơn vị bán hàng Công ty Cổ phần S; tên người mua hàng: Công ty TNHH K với tổng tiền thanh toán: 269.220.000 đồng.

Xét Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000946 ngày 15/3/2021 của đơn vị bán hàng Công ty Cổ phần S; tên người mua hàng: Công ty TNHH K với tổng tiền thanh toán: 178.500.000 đồng.

Xét giấy báo có của Ngân hàng B ngày 27/3/2021, của Công ty Cổ phần S có nội dung báo có số tiền 50.000.000 đồng, diễn giải: Tkthe: 0371000516632, tại VCB, Công ty TNHH K thanh toán tiền betong cong trinh 53 NCT; giấy báo có ngày 16/12/2024 số tiền báo có 10.000.000 đồng, nội dung: IB CTY KTNMNX TRA CTY SMC; giấy báo có ngày 14/05/2026 số tiền báo có 15.000.000 đồng có nội dung: nha xinh chuyen khoang; Giấy báo có ngày 31/7/2025 của Ngân hàng V1 số tiền báo có 15.000.000 đồng. Theo lời khai của nguyên đơn thì ngoài các lần chuyển trả tiền trên thì ngày 24/11/2025 thì bị đơn có thanh toán bằng tiền mặt số tiền 30.000.000 đồng.

Như vậy đủ cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có ký kết hợp đồng mua bán bê tông và nguyên đơn đã cung cấp số lượng bê tông thực tế cho bị đơn tương ứng với giá trị ghi nhận tại 02 hóa đơn giá trị gia tăng số 0000581 ngày 08/02/2021 và 0000946 ngày 15/3/2021 với tổng giá trị là: 447.720.000 đồng (bốn trăm bốn mươi bảy triệu bảy trăm hai mươi ngàn đồng). Xét lời khai và các chứng cứ giấy báo có đủ cơ sở xác định bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn được số tiền 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng). Do đó việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền hàng còn thiếu là: 327.720.000 đồng (ba trăm hai mươi bảy triệu bảy trăm hai mươi ngàn đồng) là có cơ sở để chấp nhận.

[4.2] Về yêu cầu trả lãi do chậm thanh toán, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ Hợp đồng kinh tế (V/v: Mua bán bê tông thương phẩm) số 011901/SMC/PKĐ/HĐ/2021 ngày 19/01/2021 được ký kết giữa nguyên đơn Công ty TNHH K (bên A) với Công ty Cổ phần S (bên B) có nội dung:

“Điều I: Bên A chấp thuận cho bên B cung cấp beton trộn sẵn đến công trình Nhà văn phòng 53 đường N, phường I, Quận E1, Thành phố H.

Điều III: bên A có trách nhiệm thanh toán 100% giá trị cho bên B trong vòng 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày tổng hợp khối lượng”.

Như vậy ngày thanh toán khoản tiền đầu tiên của Hợp đồng giữa nguyên đơn và bị đơn là vào ngày 27/3/2021 sau khi ngày xuất hóa đơn giá trị gia tăng thứ 2 là ngày 15/3/2021 do đó đủ cơ sở xác định nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tổng hợp khối lượng để có thể nhận tiền thanh toán và thời hạn 20 ngày thanh toán tính từ ngày 15/3/2021 thì hạn chót là ngày 04/4/2021 do đó việc nguyên đơn tính lãi chậm thanh toán từ ngày 05/4/2021 là phù hợp.

Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại quy định:

“Quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán

Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.”

Đối với mức lãi suất để tính lãi chậm trả, nguyên đơn lấy mức lãi là 10,5%/năm so với mức lãi quá hạn của 03 Ngân hàng bao gồm: công văn 3475/CN.TP.HCM-TH ngày 24/6/2026 của Ngân hàng TMCP C2; công văn số 5932/HCM-KT ngày 25/6/2026 của Ngân hàng TMCP N; công văn số 653/NHNo.CN4-TH ngày 14/3/2026 của Ngân

hàng N1 thì mức lãi này thấp hơn mức lãi quá hạn trên thị trường do đó chấp nhận mức lãi này.

Đối với số tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 05/4/2021 đến ngày 24/10/2025 (ngày khởi kiện): $4,6 \text{ năm} \times 10,5\% \times 372.720.000 \text{ đồng} = 180.023.760 \text{ đồng}$ (một trăm tám mươi triệu không trăm hai mươi ba ngàn bảy trăm sáu mươi đồng).

Đối với số tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 25/10/2025 đến ngày 14/7/2026 (ngày xét xử): $0,7 \text{ năm} \times 10,5\% \times 327.720.000 \text{ đồng} = 24.087.420 \text{ đồng}$ (hai mươi bốn triệu không trăm tám mươi bảy ngàn bốn trăm hai mươi đồng).

Đối với việc xác định này đều tính số tiền gốc được căn trừ các khoản tiền thanh toán từ thời điểm chưa thanh toán là có lợi cho bị đơn do đó chấp nhận.

Từ những nhận định nêu trên đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: về việc buộc bị đơn Công ty K có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền tạm tính đến ngày 14/7/2026: 531.831.180 đồng (năm trăm ba mươi một triệu tám trăm ba mươi một ngàn một trăm tám mươi đồng) bao gồm:

1. Số tiền nợ gốc phát sinh từ Hợp đồng 011901/SMC/PKĐ/HĐ/2021 ngày 19/01/2021 là 327.720.000 đồng (ba trăm hai mươi bảy triệu bảy trăm hai mươi ngàn).
2. Tiền lãi do chậm thanh toán (tạm tính từ ngày 05/4/2026 đến ngày 14/7/2026) với mức lãi 10,5%/năm: 204.111.180 đồng (hai trăm lẻ bốn triệu một trăm mười một ngàn một trăm tám mươi đồng).

[5] Đối với bị đơn Công ty K không có ý kiến trình bày nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án kinh doanh thương mại sơ thẩm: Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 sửa đổi, bổ sung 2025; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 sửa đổi, bổ sung 2025.

Điều 306 Luật Thương mại năm 2025;

Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự 2025;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn: Buộc bị đơn Công ty TNHH K có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Công ty S tổng số tiền: 531.831.180 đồng (năm trăm ba mươi một triệu tám trăm ba mươi một ngàn một trăm tám mươi đồng) phát sinh từ Hợp đồng kinh tế (V/v: Mua bán bê tông thương phẩm) số 011901/SMC/PKĐ/HĐ/2021 ngày 19/01/2021 bao gồm:

1.1. Số tiền nợ gốc phát sinh từ Hợp đồng 011901/SMC/PKĐ/HĐ/2021 ngày 19/01/2021 là 327.720.000 đồng (ba trăm hai mươi bảy triệu bảy trăm hai mươi ngàn).

1.2. Tiền lãi do chậm thanh toán (tạm tính từ ngày 05/4/2021 đến ngày 14/7/2026) với mức lãi 10,5%/năm: 204.111.180 đồng (hai trăm lẻ bốn triệu một trăm mười một ngàn một trăm tám mươi đồng).

Việc thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật Thương mại.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Công ty TNHH K phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm là 25.273.247 đồng (hai mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi ba triệu hai trăm bốn mươi bảy đồng).

- Hoàn trả cho Công ty Cổ phần S số tiền án phí tạm nộp là: 13.082.657 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0056131 ngày 31/12/2025 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn Công ty Cổ phần S được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn Công ty TNHH K vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 36, Điều 71 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Khu vực 1-TP.HCM;
- THA Dân sự Tp.HCM (Phòng THA KV1);
- Dương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoài Nam Phương